TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN R** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12 /2020/HS-ST
Ngày 27-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Lâm

Ông Nguyễn Trần Thương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Duy Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2020/TLST-HS, ngày 10-7-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HS, ngày 13-8-2020 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn S, (tên gọi khác: **D**) sinh ngày 24 tháng 9 năm 1994, tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 6, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn H (chết) và bà Vi Thị V; vợ, con: chưa có; tiền sự: Không

Tiền án: 03 tiền án ngày 11/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện R kết án về hành vi trộm cắp tài sản theo bản án số 04/2015/HSST với mức án 12 tháng tù, đến ngày 08/5/2016, S chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 08/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện R kết án về hành vi trộm cắp tài sản theo bản án số 04/2017/HSST với mức án 18 tháng tù; đến ngày 28/4/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi kết án về hành vi trộm cắp tài sản theo bản án số 26/2017/HSST với mức án 18 tháng tù, tổng hợp 02 bản án số 04/2017/HSST và 26/2017/HSST thì S phải chấp hành 3 năm tù, đến ngày 28/2/2019, S chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Tại Quyết định số 3527/QĐ-UB ngày 01/9/2011 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng ngày 12/12/2011 thời hạn 24 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản" ngày 12/12/2013 đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10 tháng 4 năm 2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo**: Bà Bùi Thị Thuyết Anh – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

**** Người bị hại:***

- **Võ Thị Đ**, sinh năm 1940. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn E, xã T, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Phạm Thị Q1**, sinh năm 1949, có mặt

Trú tại: Thôn U, xã P, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- **Nguyễn Thị Kiều L**, sinh năm 1976, vắng mặt

Trú tại: Thôn X, xã K, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Huỳnh Thị L1**, sinh năm 1991, vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Người làm chứng:**

- Phạm Văn H1, sinh năm 1962, có mặt

- **Nguyễn Thanh Q2**, sinh năm 1976, vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn E, xã T, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Nguyễn Tấn T1**, sinh năm 1940, vắng mặt

Trú tại: Thôn U, xã P, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn S (Sinh ngày 24/9/1994, trú tại Tổ 6, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) không có nghề nghiệp ổn định. Vào khoảng 15 giờ ngày 30/3/2020, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61B1-108.71, nhãn hiệu SYM, loại xe ATTILA, màu đỏ đen, đi lòng vòng trên các tuyến đường ở địa bàn huyện R với mục đích tìm kiếm tài sản chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đi ngang qua nhà bà Võ Thị Đ (Sinh năm 1940, trú tại thôn E, xã T, huyện R), S thấy bà Đ đeo 01 sợi dây chuyền trên cổ nên nảy sinh ý định giật sợi dây chuyền của bà Đ. S để xe mô tô ngoài đường bê tông rồi vào nhà gặp bà Đ giả vờ xin lá dâu về làm thuốc để tìm cách giật dây chuyền nhưng do có con trai bà Đ là anh Phạm Văn H1 (Sinh năm 1962) ở nhà nên S không dám thực hiện và bỏ đi. S tiếp tục điều khiển xe mô tô đi lòng vòng để tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đi ngang qua nhà bà Phạm Thị Q1 (Sinh năm 1949, trú tại thôn U, xã P, huyện R), S nhìn thấy bà Q1 có đeo 01 sợi dây chuyền trên cổ nên nảy sinh ý định giật sợi dây chuyền. S dừng lại, để xe ngoài đường bê tông rồi đi bộ vào gặp bà Q1. S giả vờ xin lá chuối về gói bánh để tìm cách giật sợi dây chuyền. Lúc bà Q1 hái lá chuối cho S, do nhìn thấy chồng bà Q1 là ông Nguyễn Tấn T1 (Sinh năm 1940) ở khu vực trước sân nên S không dám thực hiện. Sau khi bà

Q1 hái là chuối cho S thì S tiếp tục giả vờ xin lá chanh để tìm cách tiếp cận, giật sợi dây chuyền của bà Q1. Lúc bà Q1 đứng hái lá chanh cho S, lúc này ông T1 đi ra phía sau nhà nên S đã áp sát bà Q1 dùng tay trái giật đứt sợi dây chuyền trên cổ bà Q1 đồng thời dùng tay phải đẩy bà Q1 ngã xuống đất rồi nhanh chóng chạy ra lấy xe tẩu thoát. Sau đó, S đã đem bán sợi dây chuyền này cho tiệm vàng Hiệp Tín do bà Nguyễn Thị Kiều L (Sinh năm 1976, trú tại thôn X, xã K, thành phố Quảng Ngãi làm chủ với số tiền 3.240.000đ, S đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này, sợi dây chuyền bà L đã bán lại cho người khác không rõ lai lịch nên không thu giữ được.

Đến khoảng 11 giờ ngày 10/4/2020, S điều khiển xe mô tô 61B1-108.71 đến nhà bà Võ Thị Đ tiếp tục giả vờ xin lá dâu để tìm cách tiếp cận, giật sợi dây chuyền của bà Đ. Lúc bà Đ dẫn S ra sau nhà hái lá dâu, lúc này có anh Phạm Văn H1 con bà Đ ở nhà nên S không dám thực hiện, S hái lá dâu xong và điều khiển xe bỏ đi. Đến khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, S điều khiển xe mô tô quay lại nhà bà Đ, S dựng xe trước ngõ nhà bà Đ rồi đi vào sân nhà. Lúc này, anh H1 hỏi S quay lại làm gì, S trả lời vô tìm lại chứng minh nhân dân bị rơi lúc xin lá dâu. Bà Đ từ trong nhà đi ra hỏi chuyện S. Lợi dụng lúc bà Đ sơ hở, S áp sát, dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ bà Đ rồi nhanh chóng chạy ra lấy xe mô tô điều khiển tẩu thoát, bà Đ chạy theo kéo giữ S lại đồng thời hô hoán "Cướp, cướp". Nghe tiếng la của bà Đ thì anh H1 cùng anh Nguyễn Thanh Q2 (Sinh năm 1976, ở gần nhà bà Đ) chạy ra cùng bà Đ bắt giữ S và báo cho công an xã T đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ sợi dây chuyền trên. Công an xã T đã bàn giao Huỳnh Văn S và đồ vật, tài liệu có liên quan cho Cơ quan CSĐT Công an huyện R giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện R đã trích xuất dữ liệu camera gắn tại tiệm vàng Hiệp Tín có nội dung sự việc S đã bán sợi dây chuyền đã cướp giật của bà Phạm Thị Q1.

Ngày 15/4/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện R ra Quyết định trưng cầu giám định số 21/CSĐT để trưng cầu giám định vàng đối với sợi dây chuyền đã thu giữ. Tại Kết luận giám định số 373/C09(Đ4) ngày 25/5/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng kết luận: *01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng (gồm nhiều mắt xích nối với nhau, đã bị đứt và còn móc) có kim loại vàng, hàm lượng vàng 60,37%, tổng khối lượng mẫu là 8,03 gam.*

Ngày 12/5/2020 và ngày 26/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện R có Yêu cầu định giá tài sản số 50/CSĐT và 53/CSĐT, yêu cầu định giá trị đối với 02 sợi dây chuyền mà S đã cướp giật của bà Phạm Thị Q1 và bà Võ Thị Đ. Ngày 12/5/2020 và ngày 28/5/2020, Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự ban hành Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTTHS và 11/KL- HĐĐGTTHS, kết luận: *sợi dây chuyền mà S cướp giật của bà Phạm Thị Q1 có giá trị là 4.012.800đ (Bốn triệu không trăm mười hai nghìn tám trăm đồng) và sợi dây chuyền mà S cướp giật của bà Võ Thị Đ có giá trị là 5.817.253đ (Năm triệu tám trăm mười bảy nghìn hai trăm năm mươi ba đồng).*

Ngày 15/4/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện R ra Quyết định trưng cầu giám định số 20/CSĐT để trưng cầu giám định dữ liệu kỹ thuật số đối với dữ liệu được trích xuất từ camera của tiệm vàng Hiệp Tín. Tại Kết luận giám định số 279/KLGĐ-PC09 ngày 30/4/2020 của Phòng kỷ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

có 21 hình ảnh và 02 tập tin video được trích xuất từ tập tin video; thời gian ghi hình trong tập tin video từ 17 giờ 35 phút 04 giây đến 17 giờ 39 phút 54 giây ngày 30/3/2020 và từ 18 giờ 50 phút 40 giây đến 18 giờ 52 phút 21 giây ngày 30/3/2020. (Hình ảnh S đến bán sợi dây chuyền đã giật của bà Q1).

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-NH ngày 09-7-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo **Huỳnh Văn S** về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm i khoản 02 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo **Huỳnh Văn S** phạm tội "Cướp giật tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51; điểm g, i Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn S (tên gọi khác: D) từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù.

Về dân sự: Tuyên buộc bị cáo Huỳnh Văn S phải bồi thường cho bà Phạm Thị Q1 số tiền 4.012.800đ.

Về xử lý vật chứng: Giao xe mô tô biển số 61B1-108.71 nhãn hiệu SYM loại xe ATTILA, màu sơn đỏ đen, cho Công an huyện R quản lý để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Huỳnh Văn S được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51; điểm g, i Khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự để tuyên xử phạt mức án phù hợp đối với hành vi bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để bị cáo có cơ hội sửa sai và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Huỳnh Văn S** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bị cáo. Nhưng với mục đích vụ lợi cá nhân, nên vào ngày 30/3/2020 và ngày 10/4/2020, bị cáo Huỳnh Văn S đã thực hiện hành vi giật lấy

hai dây chuyền vàng của bà Phạm Thị Q1 và bà Võ Thị Đ đang đeo trên cổ rồi nhanh chóng tẩu thoát. Tại kết luận giám định số 373/C09 (Đ4) ngày 05/5/2020 của phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng (gồm nhiều mắt xích nối với nhau đã bị đứt và còn móc khóa) có kim loại vàng (Au) hàm lượng vàng trung bình 60,37% tổng khối lượng mẫu là 8,03 gam. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận hai dây chuyền vàng có tổng giá trị là 9.830.053đ (Chín triệu tám trăm ba mươi ngàn không trăm năm mươi ba đồng). Bản án số 26/2017/HSST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã áp dụng tình tiết "Tái phạm", đến ngày 28/02/2019 bị cáo Huỳnh Văn S chấp hành xong hình phạt. Tính đến ngày phạm tội mới ngày 30/3/2020 và ngày 10/4/2020 thì chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên các lần phạm tội mới được xem là "Tái phạm nguy hiểm". Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn S đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Huỳnh Văn S phạm tội "Cướp giật tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Huỳnh Văn S đã có hai lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản và bị cáo S phạm tội đối với bà Võ Thị Đ (sinh ngày 01-01-1940) bà Phạm Thị Q1 (sinh ngày 15-9-1949) là người đủ 70 tuổi trở lên, nên cần áp dụng điểm g, i Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự khi xét xử đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Văn S thành khẩn khai báo, người bị hại Phạm Thị Q1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ông nội bị cáo có công với cách mạng, nên cần áp dụng điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản, đã từng bị xử phạt tù chưa được xóa án tích, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian; xét xử bị cáo với mức án thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất hành vi phạm tội để răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Đối với bà Nguyễn Thị Kiều L: Quá trình bị cáo Huỳnh Văn S mang dây chuyền vàng đến bán cho bà L tại tiệm vàng Hiệp Tín, bà L không hứa hẹn trước và không biết dây chuyền vàng do bị cáo Huỳnh Văn S cướp giật mà có. Do đó, bà Nguyễn Thị Kiều L không phải là đồng phạm trong vụ án và hành vi mua tài sản của bà L không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với bà Phạm Thị Q1 khi hái lá chanh cho bị cáo Huỳnh Văn S, S đã dùng tay trái giật lấy dây chuyền đang đeo trên cổ, còn tay phải đẩy bà Q1 ngã không bị thương tích gì, bà không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Phạm Thị Q1 yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn S bồi thường số tiền 4.012.800đ; cần buộc bị cáo Huỳnh Văn S phải bồi thường cho Phạm Thị Q1 số tiền 4.012.800đ là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 586, và Điều 589 Bộ luật dân sự. Bà Võ Thị Đ đã nhận lại tài

sản dây chuyền vàng, đối với mặt dây chuyền bà Đ không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện R đã thu giữ:

- 01 (Một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng (gồm nhiều mắt xích dẹp nối lại với nhau) dài 53,5cm. Đây là tài sản mà Huỳnh Văn S đã chiếm đoạt của bà Võ Thị Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện R đã trả lại cho bà Đ theo quy định là phù hợp.

- Đối với 01 USB màu xanh trắng, trên bề mặt vỏ bảo vệ có chữ "TIGER" màu vàng kích thước (3,5 x 1,5)cm có chứa dữ liệu video trích xuất từ Camera tại tiệm vàng Hiệp Tín do bà Nguyễn Thị Kiều L giao nộp. Sau khi giám định, trích xuất qua đĩa DVD là tài liệu được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

01 USB là tài sản của bà Nguyễn Thị Kiều L, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện R đã trả lại cho bà L theo quy định là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 61B1-108.71, nhãn hiệu SYM loại xe ATTILA, màu sơn đỏ đen. Quá trình điều tra, bị cáo Huỳnh Văn S mượn của chị ruột là bà Huỳnh Thị L1 (sinh năm 1991, trú tại tổ 6, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) để làm phương tiện đi lại và sử dụng phương tiện đi thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện R đã tiến hành làm việc với bà L1 xác định: Bà L1 đã mua xe mô tô biển số 61B1-108.71 tại một tiệm cầm đồ (Không rõ địa chỉ cụ thể) tại tỉnh Bình Dương vào năm 2018; lúc mua có giấy mua bán xe và giấy chứng nhận đăng ký xe nhưng sau đó đã làm mất giấy mua bán xe. Do đó, cần giao xe mô tô biển số 61B1-108.71 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện R tiếp tục quản lý để xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Văn S thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện R phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51; điểm g, i Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 584; Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Tuyên bố: Bị cáo **Huỳnh Văn S** (tên gọi khác: **D**) phạm tội "Cướp giật tài sản".

2- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn S** (tên gọi khác: **D**) 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam ngày 10-4-2020.

3- Về dân sự: Buộc bị cáo **Huỳnh Văn S** phải bồi thường cho bà Phạm Thị Q1 số tiền **4.012.800đ** (Bốn triệu không trăm mười hai ngàn tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4- Về xử lý vật chứng:

Giao xe mô tô biển số 61B1-108.71, nhãn hiệu SYM loại xe ATTILA, màu sơn đỏ đen, cho Công an huyện R quản lý để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

5- Về án phí: Bị cáo Huỳnh Văn S được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, người bị hại, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện R;*
- *Cơ quan THAHS CA huyện R;*
- *Nhà tạm giữ CA huyện R;*
- *Cơ quan CSĐT CA huyện R;*
- *Chi cục THADS huyện R;*
- *Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thi Thơ